

Thứ ba, ngày 27 tháng 10 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tiếp tục đà điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 28/10/2020		•	
Tuần 26/10-30/10/2020		•	
Tháng 10/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex có một phiên dao động tương đối giằng co nhưng áp lực bán tiếp tục tăng vào phiên chiều đã đẩy chỉ số đóng cửa trong sắc đỏ. Dòng tiền đầu tư tiếp tục suy giảm khi chỉ có 1/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại vẫn đang bán ròng trên sàn HSX và sàn HNX. Thanh khoản thị trường không chênh lệch nhiều so với phiên trước, đồng thời độ rộng thị trường ở trạng thái tiêu cực cho thấy tâm lý chốt lời hiện đang dâng cao. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex nhiều khả năng sẽ dao động tại khu vực 940-950 điểm trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2103, các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 940 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 27/10/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Tăng trưởng - định giá hấp dẫn_-0.2%**

Phân tích kỹ thuật: KDH_Tích lũy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-4.33** điểm, đóng cửa **946.47**. HNX-Index **-1.9** điểm, đóng cửa **137.13**.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+0.58); HPG (+0.57); PDR (+0.3); CTG (+0.27); SGN (+0.05)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.83); VNM (-0.52); VRE (-0.47); STB (-0.38); MBB (-0.38)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **7,637** tỷ đồng, **-3.97%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 8.44 điểm. Thị trường có **102** mã tăng, 61 mã tham chiếu và **319** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-168.57** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (-233.7 tỷ), VIC (-25.8 tỷ) và STB (-17.6 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-1.27** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX	946.47
Giá trị: 7637.24 tỷ	-4.33 (-0.46%)
Khối ngoại (ròng): -168.57 tỷ	

HNX-INDEX	137.13
Giá trị: 592.05 tỷ	-1.9 (-1.37%)
Khối ngoại (ròng): -1.27 tỷ	

UPCOM-INDEX	63.40
Giá trị: 0.28 tỷ	-0.17 (-0.27%)
Khối ngoại(ròng): 1.13 tỷ	

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	38.8	0.49%
Giá vàng	1,902	0.02%
Tỷ giá USD/VND	23,177	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	27,402	-0.23%
Tỷ giá JPY/VND	22,119	0.10%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	26.92%
LS TPCP 5 năm	1.3%	1.61%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	65.9	MSN	-233.7
VNM	40.7	VIC	-25.8
VPB	35.2	STB	-17.6
HSG	29.8	HPG	-16.7
FUEVFVNI	8.8	HDB	-13.1
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Tăng trưởng - định giá hấp dẫn_-0.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	6/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.2%	-1.5%	6.8%	6.8%	23.4%	-1.0%	31.8%
FTSE Việt Nam	-0.2%	-0.4%	6.0%	6.0%	15.8%	3.3%	24.9%
Stay-at-home	-0.3%	-1.8%	-1.9%	-1.9%	18.7%	24.2%	32.9%
Hàng tiêu dùng	-0.4%	-0.3%	8.3%	8.3%	28.1%	17.5%	28.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.4%	-1.3%	8.4%	8.4%	26.7%	12.5%	27.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.5%	-0.8%	8.0%	8.0%	18.0%	2.2%	24.8%
VN Diamond	-0.6%	-2.8%	5.0%	5.0%	20.9%	-0.5%	30.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.6%	-2.2%	5.0%	5.0%	23.6%	4.5%	29.6%
Vật liệu Xây dựng	-0.6%	-2.1%	3.1%	3.1%	23.6%	20.7%	28.3%
Nước & Năng lượng	-0.6%	-1.4%	-1.6%	-1.6%	14.1%	2.6%	25.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.6%	-1.9%	3.9%	3.9%	19.9%	5.2%	27.7%
Xây dựng	-0.8%	-1.7%	-0.3%	-0.3%	22.3%	13.0%	30.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-1.1%	-2.2%	-0.1%	-0.1%	18.9%	21.5%	21.2%
VN FinSelect	-1.1%	-4.0%	3.2%	3.2%	16.8%	4.2%	29.7%
Lãi suất giảm	-1.2%	-2.0%	-1.7%	-1.7%	21.2%	17.5%	31.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.2%	-4.0%	3.1%	3.1%	17.3%	4.4%	31.3%
Dầu khí	-1.3%	-2.1%	-4.3%	-4.3%	7.7%	-17.7%	38.5%
Ngân Hàng	-1.3%	-3.6%	7.4%	7.4%	29.9%	18.6%	33.1%
Cổ phiếu ngành Dược	-1.3%	-1.6%	-0.2%	-0.2%	14.0%	4.4%	21.2%
Corona Avengers	-1.4%	-2.5%	-0.4%	-0.4%	16.3%	12.1%	34.1%
Bất động sản Khu công nghiệp	-1.4%	-1.2%	-0.7%	-0.7%	19.6%	20.5%	28.6%
Đầu tư công	-1.7%	-2.3%	-0.4%	-0.4%	24.5%	17.4%	25.5%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-1.7%	-2.4%	-0.6%	-0.6%	14.5%	1.3%	24.7%
Chiến tranh thương mại	-2.1%	-2.3%	1.1%	1.1%	24.2%	7.5%	30.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-2.1%	-3.9%	4.9%	4.9%	23.4%	15.8%	30.3%
EVFTA	-2.3%	-2.8%	-1.3%	-1.3%	-0.3%	-0.3%	15.9%

Mục tiêu	6/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	0.3%	0.0%	10.7%	10.7%	26.9%	2.4%	30.5%
S11	-0.2%	-0.9%	5.1%	5.1%	23.5%	22.6%	25.6%
M31	-0.3%	-1.7%	5.6%	5.6%	25.3%	8.8%	30.3%
S32	-0.4%	-1.3%	6.9%	6.9%	24.6%	1.0%	33.4%
S21	-0.4%	-0.7%	3.9%	3.9%	25.7%	8.6%	27.5%
M22	-0.4%	-1.2%	4.6%	4.6%	19.0%	12.7%	25.7%
L22	-0.5%	-0.7%	3.5%	3.5%	23.6%	4.9%	27.6%
L11	-0.9%	-1.2%	2.5%	2.5%	18.3%	5.0%	24.4%
M12	-0.9%	-1.4%	4.6%	4.6%	17.1%	4.3%	25.4%

Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	-0.5%	-0.9%	6.4%	6.4%	23.0%	6.7%	28.3%
MID1	-0.7%	-1.6%	2.9%	2.9%	23.5%	19.2%	25.5%
LOW1	-1.7%	-2.5%	2.3%	2.3%	14.0%	2.3%	25.5%

INDEX							
VNINDEX	-0.5%	-1.5%	4.6%	4.6%	14.7%	-1.5%	24.2%
VN30INDEX	-0.4%	-1.6%	6.6%	6.6%	18.8%	4.1%	25.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	6	20	7	19	9	17
Mục tiêu	9	6	3	8	1	6	3
Rủi ro	3	0	3	1	2	1	2

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

https://invest.bsc.com.vn/#/login
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 27/10

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	38.71	0.39%	-7.20%	-4.40%	-26.98%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	40.61	0.37%	-5.90%	-4.20%	-30.84%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	111.47	0.28%	-6.20%	-6.30%	-26.60%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1909.25	0.38%	0.10%	2.60%	30.86%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.48	0.84%	-0.60%	7.00%	45.62%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1082.25	-0.12%	1.70%	7.60%	11.03%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	621.75	0.28%	-1.60%	14.20%	13.56%		AFX
Sữa	USD /cwt	22.76	2.57%	5.10%	25.80%	31.87%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	250.05	4.71%	27.20%	41.40%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.77	0.34%	0.30%	10.50%	10.47%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	106.65	0.99%	0.60%	-4.00%	-4.22%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6781.00	-1.26%	0.00%	3.90%	14.78%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	539.02	0.14%	-0.50%	1.80%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	566.76	0.38%	1.10%	4.00%			
Nhôm	USD/ton	1827.50	-0.81%	-1.40%	5.00%	5.21%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	114.10	-0.08%	-3.10%	-2.40%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	60.90	-0.16%	-0.70%	-4.00%	-18.03%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 giảm 1.31 USD (3.1%) xuống 40.46 USD/thùng. Dầu thô WTI kỳ hạn tháng 12 giảm 1.29 USD (3.2%) xuống 38.56 USD/thùng. Mỹ thông báo số ca mới nhiễm virus trong hai ngày thứ Sáu và Bảy vừa qua ở mức cao nhất từ trước tới nay, trong khi số ca nhiễm mới ở Pháp trong ngày thứ Bảy cũng cao kỷ lục, hơn 50,000 người. Italy và Tây Ban Nha đã tái áp dụng các biện pháp hạn chế đi lại để ngăn chặn sự lây lan của virus.

Giá vàng

• Vàng giao ngay nhích nhẹ 0.1% lên 1,904.6 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 giữ vững ở 1,905.7 USD/ounce.
• Tâm lý chung của nhà đầu tư nhìn chung vẫn lạc quan, nhưng mỗi quan ngại ngày thêm lớn dần. Chủ tịch Hạ viện Mỹ, Nancy Pelosi, ngày 25/10 cho biết, chính quyền Tổng thống Donald Trump đang xem xét kế hoạch mới nhất về gói kích thích kinh tế chống Covid-19.

Giá sắt thép

• Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên giảm 3.3% xuống 760 CNY (113.72 USD)/tấn. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 11/2020 trên sàn Singapore cũng giảm 1.3% xuống 111.6 USD/tấn.
• Lượng quặng sắt nhập khẩu đang lưu tại các cảng biển Trung Quốc đã tăng tuần thứ 5 liên tiếp, lên 127.8 triệu tấn tính đến 23/10.

Giá cao su

• Hợp đồng cao su giao tháng 3/2021 trên sàn giao dịch Osaka tăng 18.3 JPY (7.9%) lên 250.4 JPY (2.39 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 3.3% lên 15,350 CNY/tấn.

Giá nông sản

• Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn ICE tăng 1.05 US cent (1%) lên 1.0665 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn London tăng 8 USD (0.6%) lên 1,313 USD/tấn.
• Đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn ICE tăng 0.05 US cent (0.3%) lên 14.77 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn London tăng 1 USD (0.3%) lên 396.6 USD/tấn.

	27/10	% 27/10	26/10	% 26/10	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	946.47	-0.46%	950.80	-1.09%	0.22%	4.21%
S&P 500			3400.97	-1.86%	-0.76%	4.76%
HĐTL S&P500	3397.00	0.10%	3393.50	-1.69%	-1.03%	3.34%
Shang- hai	3254.32	0.10%	3251.12	-0.82%	-2.22%	-0.49%
Euro Stoxx	3097.06	-0.26%	3105.25	-2.93%	-4.05%	-1.28%

Phân tích kỹ thuật

KDH_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Đường MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: KDH vẫn đang ở trong xu hướng đi ngang tích lũy tại khu vực 24-25 trong gần 2 tháng nay sau giai đoạn tăng giá trung hạn từ đầu tháng 4. Thanh khoản cổ phiếu những ngày giao dịch gần đây đang có chiều hướng giảm dần. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, đường EMA12 vừa cắt lên trên EMA26 nên cổ phiếu có thể quay lại đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của KDH nằm tại xung quanh giá 24. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 26.75, cắt lỗ nếu ngưỡng 23.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

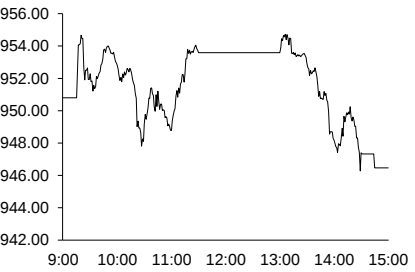
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dịch vụ tài chính	-2.13%
Ô tô và phụ tùng	-1.88%
Bảo hiểm	-1.52%
Công nghệ Thông tin	-1.22%
Dầu khí	-1.21%
Hóa chất	-1.16%
Xây dựng và Vật liệu	-0.94%
Y tế	-0.60%
Du lịch và Giải trí	-0.56%
Ngân hàng	-0.53%
Thực phẩm và đồ uống	-0.50%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.44%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.40%
Bất động sản	-0.37%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.31%
Truyền thông	-0.19%
Bán lẻ	-0.08%
Viễn thông	0.00%
Tài nguyên Cơ bản	1.32%

Hình 1

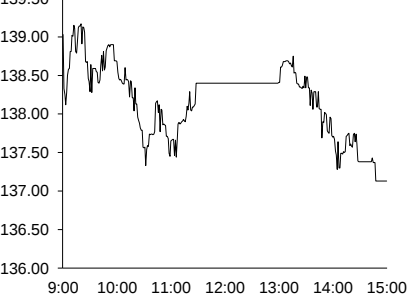
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

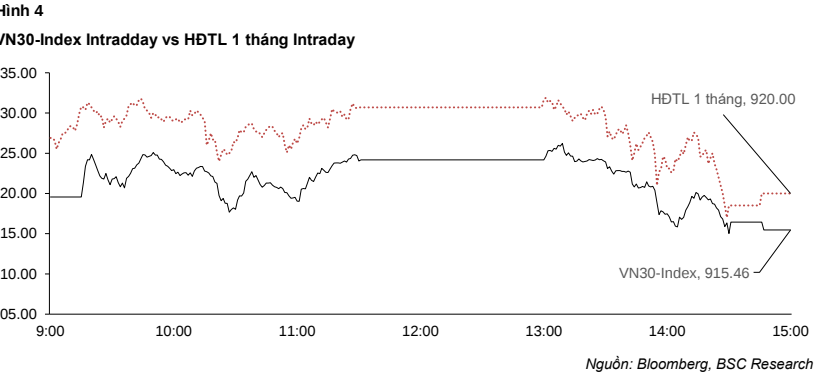
Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/26/2020	PHR	56.5	60	55	56	1	-0.88%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
10/23/2020	CSM	17.3	20	15.75	16.7	4	-3.47%	Có thể tiếp tục mua
10/22/2020	SJS	24.6	29	22.5	24.35	5	-1.02%	Có thể tiếp tục mua
10/21/2020	DHC	46	52	44	47.5	6	3.26%	Có thể tiếp tục mua
10/20/2020	TCM	25.05	28	22	24	7	-4.19%	Có thể tiếp tục mua
10/16/2020	FPT	53.2	60	50	52.1	11	-2.07%	Có thể tiếp tục mua
10/15/2020	ACV	61.8	70	60	63.5	12	2.75%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/14/2020	TCB	22.85	26	21.5	23.3	13	1.97%	Có thể tiếp tục mua
10/13/2020	STK	15.75	17.5	15	17	14	7.94%	Có thể tiếp tục mua
10/7/2020	GAS	74.1	84	71	72	20	-2.83%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/1/2020	SBT	15.3	17.43	13.56	14.45	26	-5.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	109.6	28	0.37%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/28/2020	CEO	7.4	8.5	7	7	29	-5.41%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	10.3	32	-9.25%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
9/24/2020	SIP	81.1	95	76	89.4	33	10.23%	Có thể tiếp tục mua
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	10.8	35	-5.68%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	13.85	36	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	53	40	-0.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/14/2020	TCT	27.95	35	25	28.9	43	3.40%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	24.8	46	2.90%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	23.3	47	-2.10%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	19.5	49	3.17%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/3/2020	TNG	12.2	14.52	11.62	11.7	54	-4.10%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
8/31/2020	VJC	103	112	100	104.5	57	1.46%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	23.85	61	-6.10%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43	78	-3.15%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	37.95	125	23.66%	Cân nhắc không mua thêm (**)
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	77.6	133	3.60%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
10/19/2020	DRI	4.8	5.4	3.8	TP	1	12.50%
10/12/2020	BWE	25.85	29	25	SL	10	-3.29%
10/9/2020	SAB	193	212.5	185	SL	4	-4.15%
10/8/2020	PPC	24	26.5	23	SL	14	-4.17%
10/6/2020	MSN	58	64	54.5	TP	3	10.34%
10/5/2020	DXG	10.95	12	10	TP	14	9.59%
10/2/2020	TLG	36.15	40	35	SL	18	-3.18%
9/23/2020	VCB	85.4	94	82.5	SL	9	-3.40%
9/18/2020	LAS	6.1	7	5.5	TP	21	14.75%
Chú thích: Thống kê 9 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt	
Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân	
Cổ phiếu chưa chốt	13	15	4.98%	-3.76%	0.30%	37	
Cổ phiếu đã chốt	45	27	12.31%	-8.29%	4.58%	25	

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2011	920.00	-0.76%	4.54	39.9%	178,135	11/19/2020	25
VN30F2012	916.80	-0.46%	1.34	70.7%	973	12/17/2020	53
VN30F2103	920.50	0.05%	5.04	-44.3%	54	3/18/2021	144
VN30F2106	911.40	-0.93%	-4.06	-5.9%	128	6/17/2021	235

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm −4.10 điểm, xuống 915.46 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như STB, MBB, VNM, FPT, VHM tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 vận động giằng co quanh 920-925 điểm trong phần lớn thời gian giao dịch, sau đó giảm mạnh cuối phiên chiều xuống gần 915 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 có thể điều chỉnh giảm xuống quanh 905 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Ngoại trừ VN30F2103, các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2103, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2011 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2103 và VN30F2106 đang giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 940 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2019	12/18/2020	52	2:1	479,030	37.45%	1,630	3,800	3.83%	3,752	1.01	27,360	24,100	31,400
CHPG2002	12/16/2020	50	2:1	304,800	37.45%	1,700	4,360	2.35%	1,303	3.35	33,399	29,999	31,400
CHPG2010	4/5/2021	160	4:1	363,170	37.45%	1,800	2,180	2.35%	666	3.27	40,300	33,100	31,400
CHPG2016	1/14/2021	79	2:1	324,170	37.45%	2,200	5,680	1.43%	2,385	2.38	31,900	27,500	31,400
CPNJ2008	2/8/2021	104	5:1	235,350	39.66%	3,030	4,200	-0.71%	4,070	1.03	65,150	50,000	69,400
CHPG2012	1/18/2021	83	1:1	171,830	37.45%	6,100	12,290	-3.68%	5,602	2.19	32,600	26,500	31,400
CVPB2009	11/20/2020	24	2:1	439,620	45.15%	1,630	2,550	-5.56%	2,134	1.20	23,460	20,200	24,350
CTCB2005	11/30/2020	34	1:1	405,050	38.62%	3,000	2,350	-6.75%	1,903	1.23	25,000	22,000	23,300
CFPT2008	1/14/2021	79	5:1	519,480	32.22%	1,500	1,600	-7.51%	1,163	1.38	55,500	48,000	52,100
CVPB2008	1/14/2021	79	2:1	1,225,670	45.15%	1,800	1,840	-8.00%	1,741	1.06	25,600	22,000	24,350
CVHM2007	2/8/2021	104	5:1	581,190	38.26%	2,900	1,880	-8.74%	1,627	1.16	89,500	75,000	77,600
CVRE2011	6/11/2021	227	4:1	1,581,530	43.02%	1,500	830	-10.75%	558	1.49	37,888	31,888	27,000
CTCB2009	3/30/2021	154	1:1	337,350	38.62%	4,400	3,710	-10.82%	3,213	1.15	#N/A	22,000	23,300
CMBB2007	1/14/2021	79	1.74:1	451,370	35.56%	1,400	2,120	-11.30%	880	2.41	17,217	14,783	17,900
CTCB2007	1/14/2021	79	2:1	608,160	38.62%	1,700	2,200	-12.00%	1,943	1.13	23,400	20,000	23,300
CMWG2010	1/14/2021	79	10:1	249,660	41.63%	1,400	2,720	-16.05%	2,929	0.93	96,000	82,000	110,000
CSTB2007	4/27/2021	182	2:1	486,640	45.15%	1,500	1,780	-17.21%	1,626	1.09	13,999	10,999	13,300
CSTB2009	12/18/2020	52	1:1	572,660	45.15%	1,650	2,900	-22.67%	2,586	1.12	12,550	10,900	13,300
CVPB2006	11/30/2020	34	1:1	1,024,750	45.15%	3,400	1,520	-23.23%	1,565	0.97	27,400	24,000	24,350
CSTB2004	11/30/2020	34	1:1	802,600	45.15%	1,400	2,500	-24.70%	2,408	1.04	12,400	11,000	13,300
Tổng				11,164,080	40.22%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 27/10/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

- CHPG2023 và CHPG2022 tăng mạnh lần lượt là 58.87% và 38.78%. Trái lại, CSTB2005 và CVPB2007 giảm mạnh lần lượt là -32.79% và -31.18%. Giá trị giao dịch tăng 7.31%. CHPG2023 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.38% thị trường.
- CMSN2011, CREE2005, CHPG2023, CMSN2005, và CPNJ2005 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2009, CMSN2008, và CMSN2010 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMSN2010, và CHPG2013 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	110.0	0.0%	1.2	2,165	2.9	8,348	13.2	3.5	49.0%	30.3%	
PNJ	Bán lẻ	69.4	0.6%	1.3	679	3.3	4,592	15.1	3.2	49.0%	22.8%	
BVH	Bảo hiểm	53.0	-1.7%	1.5	1,711	2.2	1,625	32.6	2.0	28.4%	6.7%	
PVI	Bảo hiểm	29.7	-1.0%	0.3	289	0.0	2,729	10.9	1.0	54.4%	9.1%	
VIC	Bất động sản	105.7	0.6%	0.9	15,544	3.7	2,336	45.2	4.2	13.9%	9.5%	
VRE	Bất động sản	27.0	-2.7%	1.1	2,668	4.6	1,057	25.6	2.2	30.5%	8.9%	
VHM	Bất động sản	77.6	-1.1%	1.2	11,099	8.2	6,686	11.6	3.7	22.0%	36.5%	
DXG	Bất động sản	11.7	-0.8%	1.4	264	2.1	(151)	N/A	N/A	0.9	35.5%	-1.3%
SSI	Chứng khoán	17.2	-2.3%	1.3	449	4.1	1,718	10.0	1.1	50.2%	10.7%	
VCI	Chứng khoán	34.7	-3.2%	1.0	249	2.1	3,770	9.2	1.4	26.9%	15.9%	
HCM	Chứng khoán	21.5	-1.8%	1.6	285	2.4	1,705	12.6	1.5	48.8%	11.8%	
FPT	Công nghệ	52.1	-1.3%	0.8	1,776	7.3	4,236	12.3	2.7	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	51.1	0.2%	0.4	608	0.0	4,812	10.6	2.7	0.0%	28.3%	
GAS	Dầu khí	72.0	0.0%	1.4	5,991	2.1	4,752	15.2	2.9	3.1%	19.7%	
PLX	Dầu khí	49.4	-1.2%	1.5	2,618	0.4	867	57.0	3.0	16.0%	5.1%	
PVS	Dầu khí	13.4	-0.7%	1.5	278	2.3	1,339	10.0	0.5	10.1%	5.2%	
BSR	Dầu khí	6.9	0.0%	0.8	930	0.6	898	7.7	0.6	41.1%	8.5%	
DHG	Dược	102.6	-0.4%	0.5	583	0.0	5,405	19.0	4.0	54.8%	21.7%	
DPM	Hóa chất	16.8	-0.9%	0.4	286	1.2	2,011	8.4	0.8	11.9%	10.4%	
DCM	Hóa chất	12.3	-2.4%	0.5	282	1.0	709	17.3	1.0	3.4%	5.8%	
VCB	Ngân hàng	86.0	0.0%	1.1	13,868	4.4	4,630	18.6	3.4	23.6%	19.7%	
BID	Ngân hàng	40.7	-0.7%	1.3	7,117	4.7	2,132	19.1	2.1	17.4%	12.3%	
CTG	Ngân hàng	30.8	0.8%	1.2	4,978	15.0	2,995	10.3	1.4	29.3%	14.6%	
VPB	Ngân hàng	24.4	0.2%	1.2	2,581	10.9	4,111	5.9	1.2	23.1%	22.2%	
MBB	Ngân hàng	17.9	-2.7%	1.1	2,158	7.5	2,995	6.0	1.1	23.0%	20.0%	
ACB	Ngân hàng	24.4	-1.6%	0.9	2,293	12.5	3,109	7.8	1.6	30.0%	23.0%	
BMP	Nhựa	55.0	-0.9%	0.8	196	0.2	5,781	9.5	1.8	81.1%	19.5%	
NTP	Nhựa	36.2	-0.8%	0.4	185	0.1	3,820	9.5	1.6	19.0%	17.5%	
MSR	Tài nguyên	17.3	1.2%	0.3	744	0.4	356	48.6	1.4	1.7%	2.9%	
HPG	Thép	31.4	1.9%	1.2	4,523	34.2	3,241	9.7	1.9	34.4%	21.3%	
HSG	Thép	15.4	0.7%	1.5	297	5.3	1,767	8.7	1.1	9.2%	13.6%	
VNM	Tiêu dùng	109.6	-0.8%	0.8	9,958	8.2	4,615	23.7	7.6	58.0%	33.0%	
SAB	Tiêu dùng	185.1	0.1%	0.8	5,161	0.3	6,328	29.3	6.4	63.1%	23.7%	
MSN	Tiêu dùng	87.9	0.0%	1.1	4,489	15.4	3,255	27.0	4.4	36.6%	13.9%	
SBT	Tiêu dùng	14.5	-3.7%	0.9	369	2.1	619	23.3	1.2	5.2%	5.3%	
ACV	Vận tải	63.5	-0.2%	0.8	6,010	0.5	3,450	18.4	3.8	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	104.5	0.0%	1.1	2,380	2.8	3,480	30.0	3.7	17.5%	12.3%	
HVN	Vận tải	25.5	-1.0%	1.7	1,569	0.3	(3,871)	N/A	N/A	3.2	9.2%	-38.6%
GMD	Vận tải	23.3	-0.9%	0.9	301	0.7	1,381	16.9	1.1	49.0%	6.8%	
PVT	Vận tải	13.2	-1.1%	1.2	162	1.7	2,076	6.4	0.8	17.6%	13.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	75.5	-0.5%	1.0	509	0.9	8,104	9.3	3.5	2.9%	40.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	22.9	0.0%	0.7	445	0.1	1,411	16.2	1.5	7.7%	9.3%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.1	-3.2%	0.9	250	0.8	1,762	8.6	1.0	6.0%	11.9%	
CTD	Xây dựng	55.8	-1.2%	1.0	185	1.7	8,453	6.6	0.5	46.6%	7.9%	
CII	Xây dựng	16.7	-1.8%	0.2	173	1.4	1,562	10.7	0.8	32.4%	7.6%	
REE	Điện	41.9	0.0%	-1.4	565	1.2	4,780	8.8	1.2	49.0%	14.8%	
PC1	Điện	22.5	0.4%	-0.4	156	0.2	2,176	10.3	1.0	14.3%	9.9%	
POW	Điện	9.9	-1.9%	0.6	1,009	4.8	933	10.6	0.8	9.9%	8.1%	
NT2	Điện	22.2	-0.9%	0.6	278	0.1	2,103	10.6	1.6	19.3%	14.6%	
KBC	Khu công nghiệp	13.9	-3.8%	0.8	283	1.2	1,156	12.0	0.7	18.3%	5.8%	
BCM	Khu công nghiệp	39.7	0%	1.0	1,787	0.0	#N/A	N/A	N/A	2.8	1.8%	#VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	105.70	0.57	0.58	804020
HPG	31.40	1.95	0.57	25.28MLN
PDR	41.05	6.90	0.28	3.01MLN
CTG	30.75	0.82	0.27	11.23MLN
SGN	71.90	6.99	0.05	10140

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-0.86	2.42MLN	1.11MLN
VRE	0.00	-0.50	3.87MLN	607060
VNM	0.00	-0.45	1.72MLN	373600
STB	-0.01	-0.43	37.14MLN	192700
MBB	0.00	-0.35	9.54MLN	611640

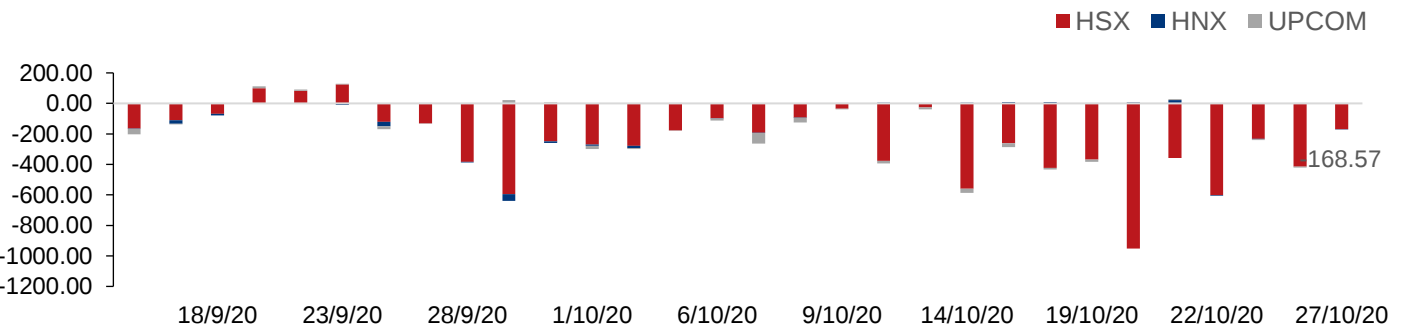
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SGN	71.90	6.99	0.05	10140.00
HRC	43.85	6.95	0.03	30
PDR	41.05	6.90	0.28	3.01MLN
TNC	28.10	6.84	0.01	30
TNT	1.72	6.83	0.00	1.11MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCL	26.90	-12.94	-0.03	170900
HTL	17.80	-7.77	-0.01	4330
DTL	6.51	-7.00	-0.01	10.00
TTF	6.92	-6.99	-0.03	1.02MLN
TCR	3.34	-6.96	0.00	70

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	110.0	8,348	13.2	3.5	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.6	885	9.7	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	41.8	5,130	8.1	1.4	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.3	1,944	12.5	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	31.4	3,241	9.7	1.9	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	26.7	2,627	10.2	1.4	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	24.4	4,111	5.9	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	41.2	13,673	3.0	1.1	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	87.9	3,255	27.0	4.4	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	41.3	5,316	7.8	1.6	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	15.4	1,767	8.7	1.1	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	43.0	5,479	7.8	2.1	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	23.9	1,816	13.2	1.9	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	31.4	3,241	9.7	1.9	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	23.3	3,258	7.2	1.2	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	69.4	4,592	15.1	3.2	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	106.7	4,105	26.0	9.2	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	11.7	-151	#N/A N/A	0.9	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	20.5	1,721	11.9	1.2	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	24.8	7,583	3.3	1.3	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.7	5,224	5.3	1.2	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	51.7	5,241	9.9	2.1	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	86.0	4,630	18.6	3.4	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	24.4	3,109	7.8	1.6	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	41.8	5,130	8.1	1.4	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	56.0	5,872	9.5	2.5	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	52.1	4,236	12.3	2.7	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.3	1,381	16.9	1.1	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	13.9	1,156	12.0	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	185.1	6,328	29.3	6.4	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.3	1,944	12.5	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	109.6	4,615	23.7	7.6	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	11.3	1,340	8.4	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	110.0	8,348	13.2	3.5	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	19.4	1,918	10.1	1.4	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	102.6	5,405	19.0	4.0	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	13.2	2,076	6.4	0.8	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	69.4	4,592	15.1	3.2	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	32.0	4,313	7.4	1.5	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	233.9	14,782	15.8	6.4	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		X	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	X		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	X		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		X	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		X	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	X		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		X	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	X		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	X		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	X		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	X		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		X	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	X		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	X		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	X		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	X		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		X	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	X		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	X		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		X	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	X		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		X	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	X		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	X		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	X		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		X	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	X		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	X		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		X	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	X		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		X	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	X		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	X		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		X	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	X		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		X	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	X		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		X	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	X		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		X	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây [Link](#)

Bản công bố rủi ro [Link](#)

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng [Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VJC 2020Q3	17/9/20	Dự báo KQKD: BSC ước tính doanh thu thuần năm 2020 của VJC đạt 27,894 tỷ (-45% YoY) với giá định sản lượng hành khách giảm 70% (Tương đương 31% khách nội địa và 89% khách quốc tế), giá cước phí hàng không giảm 5% để cạnh tranh với các hãng hàng không khác. LNST ước đạt 5 tỷ đồng - 99% YoY Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 13400
Express TNG 2020Q3	22/9/20	Dự báo KQKD: Năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 4,600 tỷ và 230 tỷ, tương đương với thực hiện năm 2019. Cổ tức năm 2020 dự kiến là 16% (cả tiền mặt và cổ phiếu) Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7950
Express NKG 2020Q4	22/9/20	Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần của NKG đạt 11,808 tỷ đồng (-11.2% YoY), LNST từ hoạt động kinh doanh cốt lõi (không tính LN bất thường) là 142 tỷ (gấp 2 cùng kỳ), tương đương EPS = 823 đồng/CP.

Room tư vấn Skype 

Room tư vấn Zalo 

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639